ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 126 /TTr-UBND	*Bình Phước, ngày 17 tháng 11 năm 2021*

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Quy định về định mức chi thường xuyên Ngân sách Nhà nước năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025.

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết số 122/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV; Nghị quyết số 01/2021/NQ-UBTVQH ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022; Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính Phủ quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh những nội dung chủ yếu của dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương (NSĐP) năm 2022, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN.

Thực hiện Luật NSNN số 83/2015/QH13: điểm e Khoản 9 Điều 30 (nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp): Quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách ở địa phương; điểm a khoản 9 Điều 31 (nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các cấp): a) Lập và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung quy định tại khoản 9 Điều 30 của Luật này; Nghị quyết số 122/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV: Kéo dài thời kỳ ổn định NSNN giai đoạn 2017-2020 sang năm 2021. Lùi thời gian ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên sang năm 2021 để áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách mới; Nghị quyết số 01/2021/NQ-UBTVQH ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022; Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính Phủ quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022.

Trên cơ sở đó Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022 làm căn cứ để xây dựng dự toán, phân bổ ngân sách cho các Sở, ban,

ngành và các địa phương thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025, tăng cường hiệu quả quản lý, nâng cao tính minh bạch trong phân bổ, sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên NSNN là cần thiết và có căn cứ pháp lý.

Trong quá trình thực hiện, các căn cứ, tiêu chí tính định mức phân bổ chi thường xuyên năm 2017 được áp dụng cho năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2021 bên cạnh những kết quả tích cực, cũng đã bộc lộ những điểm không còn phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn 2022 - 2025.

Thực hiện chủ trương cơ cấu lại thu-chi NSNN và nợ công theo Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 19/6/2017 của Chính phủ; sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, cần thiết có những điều chỉnh trong việc phân bổ nguồn lực ngân sách địa phương, trong đó có chi thường xuyên cho các Sở, cơ quan cấp tỉnh và địa phương.

Thực hiện Luật NSNN và Nghị quyết số 122/2020/QH14 của Quốc hội, cần thiết phải xây dựng và ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN năm 2022 để thay thế cho Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 15) hết hiệu lực, làm căn cứ xây dựng dự toán NSNN giai đoạn 2022-2025.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN NHÂN TỈNH

1. Tình hình thực hiện Nghị quyết số 15.

a) Đánh giá kết quả đạt được:

- Đã đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối NSNN, cơ bản phân bổ hợp lý chi thường xuyên NSNN để các Sở, ban, ngành tỉnh và các địa phương thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại theo phân cấp.

- Tiêu chí, định mức chi thường xuyên đã khuyến khích sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế theo chủ trương của Đảng, Nhà nước[1].

- Tiêu chí, định mức chi thường xuyên được quy định rõ ràng, dễ tính toán, đảm bảo công khai, minh bạch và công bằng trong phân bổ.

b) Một số tồn tại, vướng mắc:

- Qua thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 và kéo dài sang năm 2021, một số chủ trương, chính sách lớn (như: cơ chế tài chính đối với đơn vị sự

[1]- Đối với khối cơ quan cấp tỉnh: định mức chi thường xuyên căn cứ tiêu chí chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao (gắn với nguyên tắc giảm biên chế theo Nghị quyết số 39 của Bộ Chính trị; trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa giao chỉ tiêu giảm, thì dự toán chi bố trí trên cơ sở yêu cầu tinh giản biên chế nói chung theo Nghị quyết số 39 và Kết luận số 37 của Bộ Chính trị.

- Đối với các địa phương: định mức chi thường xuyên căn cứ theo tiêu chí dân số là chủ yếu. Đồng thời, có bổ sung các tiêu chí, định mức cho phù hợp với tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi.

nghiệp công; chính sách tiền lương; chính sách bảo trợ xã hội; Nghị quyết số 19-NQ/TW[2] của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII,...) đã được sửa đổi, bổ sung, chỉ số giá cả đã tăng lên,...Do vậy, một số định mức phân bổ chi thường xuyên của các Sở, ban ngành cấp tỉnh và các địa phương không còn phù hợp với giai đoạn 2022-2025, cần phải điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

- Nghị quyết số 18-NQ/TW[3] đã chỉ ra *"việc phân bổ kinh phí thường xuyên theo biên chế chưa gắn với kết quả và hiệu quả hoạt động của các tổ chức, cơ quan, đơn vị là một trong những nguyên nhân làm tăng biên chế"*.

- Tiêu chí phân vùng để phân bổ ngân sách hiện nay cần bổ sung, sửa đổi theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, cần phân định lại vùng kinh tế trong phân bổ ngân sách cho phù hợp yêu cầu.

2. Yêu cầu, quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc và các nội dung chính trong dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

a) Yêu cầu:

- Xây dựng định mức chi thường xuyên NSNN năm 2022 phù hợp với khả năng cân đối NSNN năm 2022 và giai đoạn 2022- 2025[4].

- Thúc đẩy cơ cấu lại thu - chi NSNN và nợ công theo Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị, Kế hoạch số 56-KH/TU ngày 14/4/2017 của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Kế hoạch số 56-KH/TU ngày 14/4/2017 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2019 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững trên địa bàn tỉnh. Tăng chi đầu tư phát triển, tiết kiệm chi thường xuyên, thực hiện sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, thực hiện đề án cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả NSNN; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn đảm bảo chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện và kiểm tra; góp phần triệt để tiết kiệm chi thường

---

[2]Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

[3]Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống Chính trịnh tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

[4]Đảm bảo khả năng cân đối theo Kế hoạch tài chính giai đoạn 2022-2025.

xuyên, dành nguồn cho chi đầu tư phát triển; đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch.

b) Quan điểm:

- Đảm bảo quán triệt các mục tiêu, giải pháp quan trọng về tài chính, NSNN theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020-2025).

- Đảm bảo phù hợp với quy định của Luật NSNN và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan[5].

- Tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN phải rõ ràng, đơn giản, đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch, dễ thực hiện và kiểm tra; góp phần tiết kiệm chi thường xuyên, dành nguồn cho chi đầu tư phát triển.

- Phù hợp khả năng cân đối ngân sách và yêu cầu thực hiện cơ cấu lại chi NSNN gắn với nhiệm vụ sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới khu vực sự nghiệp công và cải cách tiền lương, chính sách bảo hiểm xã hội theo yêu cầu các Nghị quyết số 18, 19, 27, 28 của Ban chấp hành Trung ương (Khóa XII); khuyến khích tiết kiệm chi thường xuyên để tăng chi đầu tư.

- Tăng quyền hạn, tính chủ động, gắn liền với yêu cầu trách nhiệm trong quản lý NSNN của các Sở, ban, ngành và các địa phương.

3. Mục tiêu:

- Phân bổ nguồn lực chi thường xuyên, đảm bảo các Sở, ban, ngành và các địa phương có đủ nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh, các chế độ an sinh xã hội theo lĩnh vực, địa bàn theo phân cấp hiện hành.

- Định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN năm 2022 là cơ sở để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán NSNN, phương án phân bổ ngân sách tỉnh năm 2022; xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp chính quyền địa phương và số bổ sung cân đối từ NS tỉnh cho NSĐP cho thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 theo quy định của Luật NSNN.

- Làm cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định về dự toán chi NSĐP, đảm bảo đúng quy định của Luật NSNN.

4. Nguyên tắc xây dựng hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN đối với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh:

4.1. Đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể:

Căn cứ yêu cầu Nghị quyết 18-NQ/TW về việc *"Nghiên cứu sửa đổi quy định và thực hiện việc phân bổ ngân sách chi thường xuyên đối với các tổ chức, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị"* và thực tế phần chi theo định mức chỉ

[5]Luật Đầu tư công, các luật chuyên ngành,...

chiếm tỷ trọng nhỏ (18-20%) trong tổng chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể của các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện điều chỉnh định mức phân bổ chi quản lý nhà nước theo nhóm về biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao.

Dự toán chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể đối với các Sở, cơ quan cấp tỉnh được xây dựng căn cứ kết quả thực hiện dự toán chi của năm trước liền kề, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, khối lượng, quy mô, tính chất nhiệm vụ; căn cứ biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao. Thực hiện xây dựng, giao dự toán chi trên cơ sở từng bước đổi mới phương thức quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ. Trong đó: đảm bảo chi tiền lương và chế độ, chính sách theo quy định đối với số biên chế được giao; ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thiết yếu; bố trí chi thường xuyên đảm bảo hoạt động bộ máy (bao gồm các khoản chi bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên tài sản, trụ sở và mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc) và các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn thường xuyên của các Sở, cơ quan cấp tỉnh trên tinh thần triệt để tiết kiệm. Năm 2022, yêu cầu tiết kiệm tối thiểu 10% chi thường xuyên (ngoài quỹ lương và các khoản chi cho con người) so với dự toán năm 2021.

4.2 Đối với các lĩnh vực sự nghiệp, quy định mức phân bổ căn cứ theo chủ trương tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập tại Nghị quyết 19-NQ/TW của Trung ương; các quy định của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Nguyên tắc phân bổ chi thường xuyên NSNN năm 2022 đối với các huyện, thị xã, thành phố

- Phù hợp cân đối NSNN năm 2022, kế hoạch tài chính giai đoạn 2022-2025. Đồng thời ưu tiên đối với vùng đặc biệt khó khăn, khó khăn; tạo cơ chế khuyến khích phát triển các đô thị lớn, vùng kinh tế trọng điểm và những địa phương có cơ chế tài chính, ngân sách đặc thù theo các kết luận, nghị quyết của Tỉnh ủy; Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Định mức phân bổ chi thường xuyên năm 2022 đảm bảo toàn bộ các chế độ, chính sách được nhà nước ban hành đến thời điểm Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết này. Từ năm ngân sách 2022, khi Trung ương và cấp tỉnh ban hành các chính sách an sinh xã hội, chính sách làm tăng chi ngân sách sau thời điểm Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết này, các địa phương sử dụng các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương theo quy định để thực hiện; trường hợp còn khó khăn thì ngân sách tỉnh sẽ hỗ trợ. Trường hợp địa phương bị ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh hoặc sự cố nghiêm trọng, thì địa phương phải chủ động sử dụng dự toán NSĐP, bao gồm cả dự phòng,...theo quy định, để khắc phục; trường hợp vượt quá khả năng cân đối của NSĐP, ngân sách tỉnh sẽ hỗ trợ cho NSĐP.

- Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên và định mức phân bổ chi đầu tư là căn cứ để xây dựng dự toán năm 2022, xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền ở địa phương và số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp huyện.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Thực hiện quy định của Luật NSNN, Nghị quyết số 122/2020/QH14 của Quốc hội, Nghị quyết số 01/2021/NQ-UBTVQH ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022; Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính Phủ quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022. Đồng thời, để phục vụ cho việc xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN năm 2022, trên cơ sở đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 15; Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Tài chính xây dựng dự thảo hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh kèm theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022.

Dự thảo hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh đã được gửi lấy ý kiến của các Sở, ban, ngành tỉnh và các địa phương bằng văn bản (Công văn số 2093/STC-NS ngày 03/10/2021).

Đến hết ngày 12/10/2021, Sở Tài chính đã nhận được ý kiến tham gia của 20 đơn vị về dự thảo Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh về phương án xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022.

Nhìn chung, các Sở, ban, ngành tỉnh và các địa phương đánh giá cao và cơ bản nhất trí với các nội dung báo cáo tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 15, Quyết định số 72 và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022.

Trên cơ sở tiếp thu, giải trình ý kiến của các Sở, ban, ngành tỉnh và các địa phương, Sở Tài chính đã hoàn chỉnh dự thảo hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh gửi Sở Tư pháp để thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN năm 2022 (Văn bản số 3139/STC-NS ngày 25/10/2021).

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 262/BC-STP ngày 29/10/2021, Sở Tài chính đã tiếp thu hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN năm 2022. Cụ thể như sau:

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Về dự thảo Nghị quyết: gồm có 02 Điều

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định định mức phân bổ chi ngân sách địa phương năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025, tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ Đại biểu hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2016 thông qua định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 và bãi bỏ Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh sang năm 2021.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ ba thông qua ngày…tháng 12 năm 2021; có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước./.

2. Về dự thảo Quy định về định mức chi thường xuyên năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 (kèm theo Nghị quyết), gồm 02 Chương, 05 Điều. Nội dung cơ bản như sau:

Chương I. Quy định chung. Gồm 02 Điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chương II. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022. Gồm 03 Điều:

Điều 3. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Điều 4. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho các Sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc tỉnh.

Điều 5. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

Trên đây là Tờ trình về Dự thảo Nghị quyết quy định định mức chi thường xuyên Ngân sách Nhà nước năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Xin gửi kèm theo:

(1) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022.

(2) Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN năm 2017.

Nơi nhận:
- TT.Tỉnh ủy;
- TT.HĐND tỉnh;
- HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT, (Quế-16.11). 2K

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /2021/NQ-HĐND	*Bình Phước, ngày tháng năm 2021*

DỰ THẢO
Tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; Ban KTNS-HĐND tỉnh.

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định về định mức phân bổ chi ngân sách địa phương năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025, tỉnh Bình Phước

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X - KỲ HỌP BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ khoản 2 Điều 4 Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC - HĐND - KTNS ngày tháng năm 2021 của Ban kinh tế ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về định mức phân bổ chi ngân sách địa phương năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025, tỉnh Bình Phước.

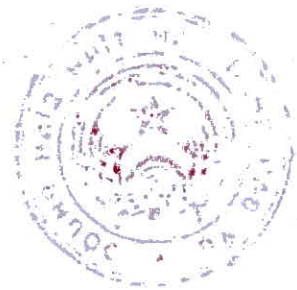

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ Đại biểu hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2016 thông qua định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 và bãi bỏ Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 về việc kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh sang năm 2021 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ ba thông qua ngày…tháng 12 năm 2021; Có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TU, TT.HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- TT.HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm CNTTTT;
- LĐVP, Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về định mức chi thường xuyên năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025, tỉnh Bình Phước

(Kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND ngày tháng năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I.
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương áp dụng cho năm ngân sách 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Quốc hội. Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách tại Nghị quyết này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng: Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị trực thuộc và các cá nhân có liên quan đến việc áp dụng Nghị quyết này.

Chương II.
NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

Điều 3. Nguyên tắc, tiêu chí dân số.

1. Nguyên tắc:

Định mức phân bổ của ngân sách địa phương được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, bảo đảm chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ và hoạt động thường xuyên trên mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được Nhà nước ban hành có hiệu lực đến thời điểm Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết

này (chưa bao gồm kinh phí phát sinh tăng thêm để thực hiện các chính sách theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021- 2025).

Từ năm ngân sách 2022, việc ban hành và thực hiện chế độ mới làm tăng chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước; ngân sách tỉnh hỗ trợ đối với các địa phương sau khi đã sử dụng các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương theo quy định mà chưa cân đối đủ nguồn lực để thực hiện. Trường hợp địa phương bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh hoặc sự cố nghiêm trọng, địa phương phải chủ động sử dụng dự toán ngân sách địa phương, bao gồm cả dự phòng, quỹ dự trữ tài chính và các nguồn tài chính hợp pháp theo quy định để khắc phục; trường hợp vượt quá khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách tỉnh sẽ hỗ trợ cho ngân sách địa phương.

2. Tiêu chí dân số

a) Dân số của từng huyện, thị xã, thành phố theo dân số trung bình năm 2022 và dân số từ 1-18 tuổi do Cục Thống kê Bình Phước cung cấp để tính định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022.

b) Tiêu chí dân số là tiêu chí chính chia theo bốn vùng; kết hợp các tiêu chí bổ sung phù hợp với thực tế và đặc thù từng địa phương. Trong đó, nguyên tắc phân vùng dân số cụ thể như sau:

- Vùng đặc biệt khó khăn, gồm:

+ Toàn bộ dân số ở các xã, phường, thị trấn, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn (xã, phường, thị trấn khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn thuộc khu vực I, II) và dân số ở các xã đặc biệt khó khăn được xác định theo quy định của cấp có thẩm quyền;

+ Toàn bộ dân số ở các xã, phường, thị trấn thuộc khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn, đơn vị thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được xác định theo quy định của cấp có thẩm quyền;

- Vùng khó khăn, gồm: Dân số ở các xã, phường, thị trấn thuộc khu vực II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi khó khăn (không kể dân số các thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực I, II) theo quy định của cấp có thẩm quyền;

- Vùng đô thị: Bao gồm dân số ở các phường, thị trấn còn lại (không kể dân số ở các phường, thị trấn thuộc vùng đặc biệt khó khăn, vùng khó khăn);

- Vùng khác còn lại: Bao gồm dân số ở các xã thuộc khu vực còn lại;

Điều 4. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho các Sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc tỉnh

1. Định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể.

a) Định mức phân bổ chi quản lý nhà nước theo chỉ tiêu biên chế do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Đơn vị: triệu đồng/biên chế/năm

Đơn vị	Định mức phân bổ
Nhóm I: Từ 20 biên chế trở xuống	32
Nhóm II: Từ 21 biên chế trở lên	30
Nhóm III: Đối với đơn vị dự toán cấp 2 *(các Chi cục)*	25

Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm:

- Các khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị, tổng kết, văn phòng phẩm, thanh toán dịch vụ công cộng; vận hành trụ sở cơ quan...

- Chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên bao gồm: Chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, chi quản lý ngành, lĩnh vực phụ trách, chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra, chi tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật tại cơ quan đơn vị; chi hoạt động kiểm tra giám sát...

- Các khoản mua sắm, thay thế trang thiết bị và phương tiện làm việc như máy in, bàn ghế hành chính, văn thư, máy lạnh, máy vi tính (trừ máy photocopy), các khoản chi khác.

Định mức phân bổ nêu trên không bao gồm:

- Chi lương và các khoản có tính chất tiền lương theo định mức biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao *(Đối với biên chế được cấp thẩm quyền giao nhưng chưa có mặt được tính hệ số lương là 2,34).*

- Các khoản chi đặc thù mang tính chất chung, riêng biệt của các đơn vị quản lý nhà nước: Đóng niên liễm; kinh phí đối ứng của các dự án; chi thuê trụ sở; chi tổ chức Đại hội toàn tỉnh, tham gia hội nghị toàn quốc; chi hoạt động của các Ban chỉ đạo, Ban điều phối, tổ công tác liên ngành, các Uỷ ban, các Hội đồng được cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập theo quy định hiện hành, chi mua ô tô, sửa chữa lớn trụ sở, kinh phí mua sắm trang thiết bị theo đề án của cấp thẩm quyền phê duyệt...

- Chi đảm bảo các hoạt động phục vụ hoạt động chung của tỉnh như: Quản lý bảo vệ rừng, nghiệp nghiệp thủy lợi, duy tu bảo dưỡng, an toàn giao thông, quy hoạch, môi trường, xúc tiến đầu tư thương mại và du lịch...

b) Đối với Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 68), Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là Nghị định số 161) và định suất các Hội đặc thù được ngân sách nhà nước hỗ trợ, quy định các mức chi:

- Đối với Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Hợp đồng trong định suất của các Hội đặc thù chưa được thi tuyển, xét tuyển: Định mức giao cho một hợp đồng là 70 triệu đồng/người/năm.

- Đối với lãnh đạo nghỉ hưu giữ chức danh chủ chốt các Hội đặc thù áp dụng chế độ thù lao theo Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các Hộ; và hoạt động thường xuyên với định mức phân bổ 23 triệu đồng/người/năm.

- Đối với chỉ tiêu định suất của các Hội đặc thù được tuyển dụng vào biên chế Nhà nước thông qua thi tuyển, xét tuyển của cơ quan có thẩm quyền: Lương, các khoản có tính chất tiền lương được được tính theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và hoạt động thường xuyên được tính theo định mức phân bổ 23 triệu đồng/biên chế/năm.

c) Trên cơ sở biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao và mức chi thường xuyên theo định mức phân bổ, tiết kiệm chi tiêu để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức và tăng chi cho các nhiệm vụ trọng tâm của cơ quan, đơn vị.

2. Định mức phân bổ chi các lĩnh vực sự nghiệp.

a) Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí sự nghiệp mang tính chất đầu tư khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền.

c) Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên:

Căn cứ quyết định giao biên chế và giao mức độ tự chủ tài chính đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp chưa tính đủ chi phí và thực hiện khoán chi ngân sách giai đoạn 2022-2025.

Đơn vị dành nguồn thu sự nghiệp để thực hiện cải cách tiền lương, ngân sách chỉ hỗ trợ kinh phí thực hiện cải cách tiền lương tối đa theo tỷ lệ ngân sách hỗ trợ chi thường xuyên.

d) Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên:

Đơn vị được vận dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ như đối với lĩnh vực quản lý nhà nước. Định mức phân bổ chi tiêu biên chế:

- Từ 20 biên chế trở xuống. Định mức phân bổ 25 triệu đồng/biên chế/năm.

- Từ 21 biên chế trở lên. Định mức phân bổ 23 triệu đồng/biên chế/năm.

Ngoài 10% tiết kiệm thường xuyên chi tăng lương theo quy định, đơn vị thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên nguồn ngân sách tăng thêm hằng năm để bổ sung nguồn cải cách tiền lương.

e) Ngân sách nhà nước giảm chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập đối với các khoản chi đã kết cấu vào giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ của từng lĩnh vực sự nghiệp công; xác định phần giảm chi cho lĩnh vực sự nghiệp để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương.

f) Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đầy đủ quy định về hạch toán, kế toán và quản lý tài chính, có trách nhiệm lập báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán hàng năm đối với từng nguồn kinh phí theo quy định.

3. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục.

a) Được tính trên cơ sở bảo đảm tỷ lệ chi tiền lương, tất cả các loại phụ cấp, các khoản có tính chất lương *(Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn)* tối đa 81% dự toán. Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương tối thiểu 19% dự toán (chưa bao gồm số chi hoạt động từ nguồn thu học phí).

b) Định mức phân bổ trên chưa bao gồm các chế độ chính sách của học sinh: Chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học; Chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; Chính sách học bổng đối với học

sinh dân tộc nội trú; Chính sách ưu tiên đối với học sinh mẫu giáo, học sinh dân tộc rất ít người….

4. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo.

a) Đối với Trường Chính trị: Định mức phân bổ như mục b khoản 2 Điều này.

b) Đối với Trường Cao đẳng Bình Phước định mức phân bổ dự toán được tính theo Quyết định phê duyệt danh sách học viên của cấp có thẩm quyền, quyết toán theo số học viên thực học.

Trong trường hợp chưa thực hiện cơ chế giá thì ngân sách nhà cấp kinh phí như sau:

- Quỹ tiền lương theo số biên chế thực tế *(không vượt tổng số biên chế được giao)* tính theo mức lương cơ sở hiện hành.

- Định mức hoạt động giảng dạy theo chỉ tiêu sinh viên được phân bổ như sau: Đối với Hệ cao đẳng: 4,2 triệu đồng/sinh viên/năm; Hệ trung cấp: 3,8 triệu đồng/sinh viên/năm.

Khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định cơ chế giá theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập thì thực hiện theo quy định của cơ chế giá.

5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế.

a) Đối với các đơn vị khối khám chữa bệnh (trừ các đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên, đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư):

Ngân sách cấp kinh phí chưa kết cấu đủ vào giá. Trên cơ sở nguồn thu, sau khi cân đối ngân sách cấp hỗ trợ chênh lệch thiếu theo lộ trình và cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Đối với các đơn vị làm công tác dự phòng, dân số, kế hoạch hóa gia đình: Ngân sách đảm bảo kinh phí hoạt động theo phân loại đơn vị tự chủ được quy định tại điểm c, khoản 2 Điều này.

c) Đối với các đơn vị thực hiện 02 chức năng khám bệnh và công tác dự phòng (trừ các đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên, đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư):

Ngân sách sẽ cấp kinh phí chưa kết cấu đủ vào giá (đối với hoạt động khám chữa bệnh); kinh phí hoạt động cho công tác dự phòng (tính theo biên chế giao cho công tác dự phòng) theo định mức của các đơn vị sự nghiệp.

Đối với khối khám chữa bệnh: Quỹ tiền lương của các đơn vị được tính theo số biên chế của định mức giường bệnh được cấp có thẩm quyền giao.

6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học công nghệ, sự nghiệp môi trường

Dự toán chi sự nghiệp khoa học công nghệ và sự nghiệp môi trường được phân bổ theo các chương trình, đề án, kế hoạch được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

7. Định mức phân bổ chi hoạt động kinh tế khối tỉnh: Dự toán chi hoạt động kinh tế khối tỉnh, phân bổ theo mức bằng 10% chi thường xuyên các lĩnh vực chi (từ mục 1 đến mục 5) đã tính được theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách quy định ở trên.

8. Định mức chi khác ngân sách: Phân bổ theo tỷ trọng (bằng 0,5%) tổng các khoản chi thường xuyên khối tỉnh đã tính được theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách theo quy định.

9. Định mức dự phòng ngân sách: Dự phòng ngân sách tỉnh là 2% tổng chi ngân sách cấp tỉnh.

Điều 5. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh

1. Định mức chi sự nghiệp giáo dục.

a) Được tính trên cơ sở bảo đảm tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương, phụ cấp (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 81%. Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương tối thiểu 19% (chưa bao gồm số chi hoạt động từ nguồn thu học phí).

Hàng năm trong kỳ ổn định ngân sách sẽ tính toán giảm dần số bổ sung theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ - CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung, được xác định trên cơ sở số đối tượng thực tế, mức hỗ trợ theo chế độ quy định gồm:

- Hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí.

- Chính sách phát triển giáo dục mầm non.

- Học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật.

- Chính sách ưu đãi đối với các trường chuyên và trường phổ thông dân tộc nội trú theo Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Chính sách hỗ trợ học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Chính sách hỗ trợ đối với trẻ em và giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, tỉnh Bình Phước từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024-2025 theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Kinh phí thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: Phân bổ theo tiêu chí dân số (không bao gồm dân số từ 1-18 tuổi):

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố
Vùng đặc biệt khó khăn	201.000
Vùng khó khăn	147.000
Đô thị	90.000
Vùng khác còn lại	100.000

3. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố
Vùng đặc biệt khó khăn	281.000
Vùng khó khăn	200.000
Đô thị	110.000
Vùng khác còn lại	148.000

Căn cứ khả năng ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định:

- Phân bổ cho y tế dự phòng đạt tối thiểu 30% ngân sách y tế, ưu tiên cho y tế cơ sở, bệnh viện ở vùng khó khăn, biên giới, các lĩnh vực phong, lao, tâm thần và các lĩnh vực khác theo Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của

Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới

- Kinh phí hỗ trợ cộng tác viên dân số trên địa bàn.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung, được xác định trên cơ sở đối tượng thực tế, mức hỗ trợ theo chế độ quy định gồm:

- Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi

- Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội.

- Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, dân tộc thiểu số vùng khó khăn; người đang sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn.

- Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho người đã hiến bộ phận cơ thể người

- Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho học sinh, sinh viên.

- Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho cựu chiến binh, thanh niên xung phong, đối tượng tham gia kháng chiến Lào, Campuchia.

- Bảo hiểm y tế cận nghèo.

- Bảo hiểm y tế hộ làm nông, lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình.

- Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho người dân di cư tự do từ Campuchia về nước.

4. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội:

a) Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) tính theo quy định hiện hành. Định mức phân bổ theo biên chế: Được tính trên cơ sở bảo đảm tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 75%. Chi hoạt động thường xuyên không kể chi tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tối thiểu 25% (chưa bao gồm số chi hoạt động từ nguồn thu phí, lệ phí).

b) Các hội đặc thù, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định tại khoản 7 Điều 8 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015.

Định mức phân bổ như trên:

- Là cơ sở xác định tổng chi quản lý hành chính cho ngân sách cấp huyện, thị xã, thành phố. Căn cứ tình hình thực tế địa phương tính toán, phân bổ cho các cơ quan, đơn vị đảm bảo không thấp hơn tổng dự toán chi quản lý hành chính được Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

- Đề nghị các huyện, thị xã, thành phố thực hiện tinh giản biên chế, tiết kiệm chi tiêu để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức và tăng chi cho các nhiệm vụ trọng tâm của cơ quan, đơn vị.

Dự toán chi các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách (từ năm 2023) đối với lĩnh vực chi quản lý hành chính được xác định theo biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và định mức phân bổ chi hành chính điều chỉnh tăng (giảm) theo khả năng cân đối của ngân sách tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo phương án phân bổ chi ngân sách hàng năm của tỉnh.

c) Định mức bổ sung chi hoạt động thường xuyên cho các xã, phường, thị trấn (không bao gồm tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương).

- Đối với cấp xã thuộc Vùng miền núi; vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi: 1.200 triệu đồng/xã/năm.

- Đối với cấp xã thuộc Vùng còn lại: 700 triệu đồng/xã/năm.

Như vậy, định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên cấp xã bao gồm định mức chi hoạt động theo quy định tại điểm a và định mức bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều này. Trên cơ sở định mức được phân bổ nêu trên, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ kinh phí hoạt động cụ thể cho từng xã, phường, thị trấn đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương (diện tích; dân số, số lượng thôn, ấp, khu phố, sóc...).

5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố
Vùng đặc biệt khó khăn	48.000
Vùng khó khăn	34.000
Đô thị	22.000
Vùng khác còn lại	24.500

6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình - thông tấn:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố
Vùng đặc biệt khó khăn	29.000
Vùng khó khăn	21.000

Đô thị	13.000
Vùng khác còn lại	15.000

7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục - thể thao:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố
Vùng đặc biệt khó khăn	22.200
Vùng khó khăn	16.000
Đô thị	15.600
Vùng khác còn lại	11.700

8. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố
Vùng đặc biệt khó khăn	48.000
Vùng khó khăn	40.000
Đô thị	26.000
Vùng khác còn lại	28.000

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Kinh phí hỗ trợ thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

- Hỗ trợ tiền điện cho hộ chính sách xã hội.

9. Định mức phân bổ chi quốc phòng:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố
Vùng đặc biệt khó khăn	84.000

Vùng khó khăn	59.000
Đô thị	42.000
Vùng khác còn lại	42.000

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: các xã biên giới được phân bổ thêm kinh phí với mức 1.500 triệu đồng/xã. Trên cơ sở định mức nêu trên, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ kinh phí cho từng xã đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

10. Định mức phân bổ chi an ninh, trật tự an toàn xã hội.

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố
Vùng đặc biệt khó khăn	36.000
Vùng khó khăn	25.500
Đô thị	24.000
Vùng khác còn lại	18.000

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: các xã biên giới được phân bổ thêm kinh phí với mức 1.500 triệu đồng/xã. Trên cơ sở định mức nêu trên, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ kinh phí cho từng xã đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

11. Định mức phân bổ chi hoạt động kinh tế:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số.

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ cho huyện, thị xã, thành phố
Vùng đặc biệt khó khăn	438.000
Vùng khó khăn	329.000
Đô thị	186.000
Vùng khác còn lại	219.000

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Đô thị loại III: 15.000 triệu đồng/năm.

- Đô thị loại IV: 10.000 triệu đồng/năm.

- Đô thị loại V: 5.000 triệu đồng/năm.

12. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học công nghệ, sự nghiệp môi trường:

Dự toán chi sự nghiệp khoa học công nghệ và sự nghiệp môi trường được phân bổ theo các chương trình, đề án, kế hoạch được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

13. Định mức phân bổ chi thường xuyên khác của NSĐP:

Phân bổ theo tỷ trọng (bằng 0,5%) tổng các khoản chi thường xuyên đã tính được theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách quy định từ mục 1 đến mục 12 của Điều này. Định mức này không bao gồm các khoản chi đặc thù, đột xuất được phân bổ theo từng nội dung công việc cụ thể.

14. Định mức dự phòng ngân sách: Dự phòng ngân sách địa phương của từng địa phương là 2% tổng chi ngân sách địa phương.

Trên cơ sở dự toán chi cân đối ngân sách địa phương, căn cứ tình hình thực tế, các huyện, thị xã, thành phố chủ động bố trí dự phòng ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số /BC-UBND	*Bình Phước, ngày tháng năm 2021*

BÁO CÁO

Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về định mức phân bổ chi ngân sách địa phương năm 2017, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Tài chính đã phối hợp với các Sở, ngành và các địa phương xây dựng khuôn khổ pháp lý cho việc phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 15/2016/NQ - HĐND ngày 06/12/2016.

Qua thực tế thực hiện định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017 theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 06/10/2016 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 15), bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số hạn chế cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung để trình cấp có thẩm quyền hoàn thiện định mức năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách mới cho các Sở, ngành và các địa phương. Thực hiện quy định của Luật NSNN, Nghị quyết số 01/2021/NQ-UBTVQH ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022; Quyết định số 30/2021/QĐ - TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022. Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Tài chính phối hợp với các Sở, ngành và địa phương đánh giá những ưu điểm, tồn tại về định mức năm 2017, đề xuất phương án xây dựng định mức phân bổ áp dụng cho giai đoạn ổn định ngân sách mới. Nội dung cụ thể như sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND:

1. Đánh giá chung kết quả đạt được:

- Hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND là căn cứ quan trọng, chủ yếu để xây dựng dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2017 (năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách); là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách địa phương, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật NSNN năm 2015.

- Phân bổ ngân sách theo Nghị quyết số 15 về cơ bản đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối NSNN, ngân sách tỉnh và ngân sách từng huyện, thị xã, thành phố; thực hiện được các chủ trương của Đảng, chế độ, chính sách Nhà

nước đã ban hành, đáp ứng cơ bản nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của mỗi cấp chính quyền địa phương trên địa bàn. Đồng thời, tạo điều kiện cho các Sở, cơ quan cấp tỉnh và các địa phương chủ động xây dựng và quyết định ngân sách của mình, khuyến khích các địa phương tăng cường công tác quản lý tài chính ngân sách, phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi, sử dụng ngân sách hiệu quả, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh.

- Tăng tính công khai, minh bạch trong phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước.

- Việc xây dựng tiêu chí phân bổ ngân sách đối với các địa phương cơ bản theo tiêu chí dân số và các tiêu chí bổ sung được đánh giá là cụ thể, rõ ràng, đơn giản, dễ thực hiện và dễ kiểm tra, đảm bảo tính công bằng, hợp lý giữa các địa phương.

- Định mức phân bổ NSNN cơ bản theo tiêu chí dân số đã góp phần thúc đẩy tinh giản biên chế, đẩy mạnh xã hội hóa, cải cách thủ tục hành chính trong xây dựng, quản lý NSNN.

2. Đánh giá kết quả thực hiện định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN năm 2017 đối với các Sở, cơ quan cấp tỉnh:

2.1. Đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể:

a) Tình hình thực hiện:

Hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN theo Nghị quyết số 15 (áp dụng từ năm ngân sách 2017) là căn cứ quan trọng để xây dựng dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách tỉnh hằng năm trình các cấp có thẩm quyền thông qua.

Căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số 15, dự toán chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể hằng năm được phân bổ theo 03 nhóm, gồm: (1) các khoản chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương tính theo số biên chế được giao; (2) các khoản chi theo định mức và (3) các khoản chi đặc thù ngoài định mức để thực hiện các nhiệm vụ mang tính riêng biệt, đột xuất, các nhiệm vụ đặc thù được cấp có thẩm quyền giao,...

Cơ cấu chi quỹ lương, chi theo định mức và chi đặc thù của các Sở, cơ quan cấp tỉnh giai đoạn 2017-2021, như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Dự toán	Tỷ lệ	Dự toán	Tỷ lệ	Dự toán	Tỷ lệ	Dự toán	Tỷ lệ	Dự toán	Tỷ lệ
Tổng chi QLHC của các Sở, cơ quan	359.853	%	349.878	%	377.841	%	399.579	%	400.808	%
Trong đó:										

Quỹ lương	95.018	26	109.382	31	113.176	30	116.328	29	115.089	29
Định mức	24.695	7	22.050	6	20.520	5	20.665	5	20.470	5
Chi đặc thù	240.140	67	218.446	62	244.145	65	262.586	66	265.249	66

Giai đoạn 2017-2021, chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương và chi theo định mức của các Sở, cơ quan cấp tỉnh chiếm khoảng 29-31% tổng chi hành chính của các cơ quan, đơn vị (riêng chi theo định mức chiếm khoảng 6%), cơ bản đảm bảo hoạt động bộ máy và thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên của các cơ quan.

Căn cứ Nghị quyết số 15, các Sở, cơ quan cấp tỉnh đã xây dựng định mức phân bổ/quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị làm căn cứ phân bổ dự toán được giao, đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ chính trị trong năm.

b) Những kết quả đạt được:

- Là cơ sở pháp lý để xây dựng dự toán chi NSNN hằng năm, xây dựng định mức phân bổ/quy chế chi tiêu nội bộ của các Sở, cơ quan cấp tỉnh; góp phần tăng sự chủ động, linh hoạt cho các cơ quan trong phân bổ, sử dụng kinh phí, có kế hoạch chi tiêu, khuyến khích thực hiện tiết kiệm để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức và tăng kinh phí cho các nhiệm vụ trọng tâm của cơ quan.

- Định mức phân bổ lĩnh vực chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể được thiết kế không bao gồm chi tiền lương, các khoản có tính chất lương và các nhiệm vụ chi đặc thù cơ bản phù hợp với điều kiện thực tế tại các cơ quan. Quá trình xây dựng dự toán hằng năm đã gắn kết chặt chẽ với các chủ trương, định hướng về việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế theo các Nghị quyết số 39, Nghị quyết số 18 của Ban Chấp hành Trung ương, đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

- Phạm vi và phương pháp tính định mức năm 2017:

+ Việc xây dựng định mức riêng cho từng khối cơ quan là phù hợp.

+ Phạm vi định mức chi thường xuyên đã kết cấu tương đối đầy đủ các nhiệm vụ chi đảm bảo duy trì hoạt động và nhiệm vụ thường xuyên mang tính chất chung của các cơ quan, đơn vị; ngoài ra bố trí kinh phí ngoài định mức để thực hiện các nhiệm vụ mang tính đặc thù riêng biệt của từng Sở, ban, ngành.

c) Bên cạnh những kết quả đã đạt được, các Sở, cơ quan có phản ánh về một số khó khăn, chủ yếu về việc định mức phân bổ chi thường xuyên còn thấp, chưa được điều chỉnh kịp thời để phù hợp với những thay đổi về cơ chế, chính sách cũng như tình hình kinh tế - xã hội chung của tỉnh, như:

- *Định mức chi thường xuyên chưa được điều chỉnh tăng tương ứng với tình hình thực tế*: Định mức chi thường xuyên năm 2017 đã kết cấu chung nhiều nhiệm vụ chi thường xuyên như: đoàn ra đoàn vào, tổ chức hội nghị hội thảo, xây dựng văn bản QPPL,... nhưng do khó khăn trong cân đối ngân sách địa phương, định mức chi thường xuyên giữ ổn định từ năm 2017 đến năm 2021, không được điều chỉnh tăng. Trong khi đó, từ năm 2017-2021, chỉ số giá tiêu dùng tăng khoảng 18,3%; việc điều chỉnh, hoàn thiện thể chế dẫn đến tăng thêm

chức năng nhiệm vụ thường xuyên của các đơn vị, một số chế độ chi tiêu cũng đã được điều chỉnh tăng (như: chế độ công tác phí, chi tổ chức hội nghị hội thảo,...) nên việc cân đối kinh phí của các Sở, cơ quan cấp tỉnh ngày càng khó khăn.

- Tác động của việc tự sắp xếp nguồn thực hiện CCTL năm 2017-2018: Định mức năm 2017 được xây dựng theo mức tiền lương cơ sở 1,21 triệu đồng/tháng. Tuy nhiên, thực hiện Nghị quyết 25/2016/QH14 của Quốc hội về việc điều chỉnh tiền lương cơ sở và nguyên tắc yêu cầu các Sở, cơ quan cấp tỉnh tự tiết kiệm nguồn làm lương theo các Nghị quyết về dự toán NSNN năm 2017-2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Sở, cơ quan cấp tỉnh đã phải cắt giảm một số nhiệm vụ chi thường xuyên, trong đó một phần cắt giảm từ định mức, để tạo nguồn CCTL đã dẫn tới khó khăn trong việc đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của cơ quan[1].

- Tác động của việc thực hiện Nghị quyết 18 về tinh giản biên chế, sắp xếp lại tổ chức bộ máy; Quyết định số 999-QĐ/TU: Thực hiện Nghị quyết 18 của BCH Trung ương khóa XII, Quyết định số 999-QĐ/TU ngày10/4/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, năm 2018-2021 đã thực hiện cắt giảm ngay từ khâu dự toán phần định mức chi thường xuyên tương ứng với số biên chế phải giảm của các Sở, cơ quan cấp tỉnh. Lũy kế đến hết năm 2020 đã cắt giảm khoảng 23,768 tỷ đồng, tương đương 4,33% tổng chi định mức và dự toán năm 2021 tiếp tục cắt giảm thêm 5,128 tỷ đồng chi thường xuyên theo định mức của các Sở, cơ quan cấp tỉnh.

Tuy nhiên, thực tế việc tinh giản biên chế kéo dài trong cả năm nên cắt giảm toàn bộ kinh phí ngay từ đầu năm cũng có những bất cập; một số Sở, cơ quan có số lượng biên chế phải cắt giảm lớn là rất khó khăn; đồng thời, nhu cầu tăng cường ứng dụng CNTT, cải cách hành chính, hiện đại hóa trang thiết bị làm việc...để phù hợp với yêu cầu công việc trong tình hình mới ngày càng lớn nhưng nguồn kinh phí lại bị cắt giảm một cách cơ học ngay từ dự toán gắn với giảm biên chế dẫn đến khó khăn trong công tác phân bổ, thực hiện.

- Việc kết cấu chi tiền lương và hoạt động thường xuyên của hợp đồng lao động trong định mức:

Giai đoạn trước năm 2017, tiền lương của các lao động theo Hợp đồng Lao động được NSNN đảm bảo, ngoài ra, bố trí thêm một phần kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên của các lao động theo Hợp đồng[2].

Khi xây dựng định mức phân bổ chi thường xuyên năm 2017, trên nền tiền lương cơ sở 1,21 triệu đồng/tháng, định mức chi thường xuyên đã kết cấu cả phần chi tiền lương, phụ cấp và hoạt động thường xuyên của số lao động Hợp đồng[3]. Đến nay, tiền lương cơ sở đã được điều chỉnh tăng lên đến 1,49 triệu

---

[1]Đã yêu cầu các Sở, ban, ngành tiết kiệm tăng thêm 10% chi thường xuyên (không bao gồm lương và các khoản theo lương). Tổng kinh phí các Sở, ban, ngành tự sắp xếp để điều chỉnh lương cơ sở khoảng...tỷ đồng.

[2]Mức hỗ trợ Hợp đồng bằng 50% định mức áp dụng đối với công chức.

[3]Năm 2017, sau khi rà soát, mức hỗ trợ tiền lương, phụ cấp và kinh phí hoạt động của các Hợp đồng khoảng 40-45 triệu đồng/lao động/năm; quy đổi theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao, kết cấu vào định mức bình quân khoảng 10 triệu đồng/biên chế/năm.

đồng/tháng (tăng khoảng 23%), cũng như đã điều chỉnh tăng một số chế độ chi tiêu dẫn đến các khoản chi tiền lương, phụ cấp và chi hoạt động của số lao động Hợp đồng cũng tăng lên tương ứng, ảnh hưởng lớn tới kết cấu các khoản chi trong định mức của các Sở, cơ quan cấp tỉnh.

Do tác động của nhiều yếu tố như đã nêu trên, phần kinh phí bố trí theo định mức chi thường xuyên của các Sở, cơ quan cấp tỉnh đang có xu hướng giảm dần cả về quy mô và tỷ trọng, chưa đảm bảo tính chủ động cho các cơ quan trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

2.2. Đối với các lĩnh vực sự nghiệp:

a) Theo quy định tại Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND, ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên[4] cho các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở khả năng cân đối NSNN hằng năm và mức độ tự chủ chi thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công lập[5].

b) Việc triển khai xây dựng định mức phân bổ các lĩnh vực sự nghiệp chưa thực hiện trên thực tế do các nguyên nhân:

- Chỉ một số Bộ, ngành nghiên cứu ban hành được danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, tuy nhiên danh mục các dịch vụ sự nghiệp công đã ban hành chỉ mang ý nghĩa là tên gọi của dịch vụ tổng quát, chưa cụ thể hóa thành các dịch vụ kỹ thuật chi tiết để làm căn cứ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá/chi phí đơn vị cho từng dịch vụ kỹ thuật tương ứng. Trong trường hợp ban hành được dịch vụ kỹ thuật chi tiết thì không phải dịch vụ kỹ thuật nào cũng phải xây dựng chi phí đơn vị. Ví dụ:

Dịch vụ tiêm vắc xin miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi là dịch vụ kỹ thuật cụ thể thuộc nhóm dịch vụ khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, việc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật và chi phí đơn vị tương ứng là cần thiết do tính chuẩn hóa cao của dịch vụ này và chi phí trung bình ổn định;

Dịch vụ cấp cứu cho bệnh nhân trong bệnh viện là một dịch vụ kỹ thuật cụ thể thuộc nhóm dịch vụ khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng nhưng không cần thiết phải xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật và chi phí đơn vị tương ứng do luôn có sự khác biệt lớn về chi phí và không thể dự báo trước theo từng bệnh nhân mặc dù tên gọi khi chẩn đoán dịch vụ là giống nhau.

- Phần lớn các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách có cấu trúc kỹ thuật phức tạp, thiếu tính đồng nhất, bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố bên ngoài nằm ngoài sự kiểm soát của cơ quan, đơn vị nên không thể tính toán được chi phí đơn vị hoặc có chi phí đơn vị không ổn định do phải sử dụng hệ thống điều chỉnh các sai số phức tạp để xử lý các yếu tố ảnh hưởng (chi phí khác nhau theo vùng, miền; yếu tố mùa vụ; các yếu tố ảnh hưởng khác trong tổ chức thực hiện). Một số dịch vụ có chi phí quá lớn so với khả năng cân đối nguồn lực;

- Đòi hỏi rất cao về mặt kỹ thuật, có hệ thống kế toán quản lý tiên tiến;

---

[4]Phạm vi hẹp chỉ gồm: Chi tiền lương, chi hoạt động chuyên môn quản lý; trích khấu hao TSCĐ.

[5]Mức độ tự chủ chi thường xuyên gồm 3 bậc: tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên; tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và NSNN đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên.

- Tính tuân thủ ngân sách của các Sở, cơ quan cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách tại nhiều nơi còn thấp;

- Hệ thống văn bản pháp lý xác định trách nhiệm, quyền hạn của người cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khi thực hiện nhiệm vụ chưa hoàn thiện nên không có động lực để tiến hành xây dựng đơn giá dịch vụ.

3. Đánh giá kết quả thực hiện định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN năm 2017 đối với các huyện, thị xã, thành phố:

3.1 Kết quả đạt được:

- Tiêu chí phân bổ chi thường xuyên cho các địa phương cơ bản theo tiêu chí dân số (cơ cấu dân số, dân số trong độ tuổi đi học, tỷ lệ người nghèo,...) đã đảm bảo tính công bằng, hợp lý, công khai, minh bạch trong phân bổ ngân sách do yêu cầu, nhiệm vụ chi thường xuyên của các địa phương cơ bản phụ thuộc chỉ tiêu dân số (dân số nhiều thì nhu cầu kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục, y tế,...càng lớn). Ngoài ra, còn có các tiêu chí bổ sung phân bổ ngân sách đối với từng lĩnh vực đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực phù hợp với thực tế như:

+ Đối với lĩnh vực chi sự nghiệp giáo dục: Thực hiện tiêu chí đảm bảo cơ cấu 82% chi lương, các khoản có tính chất lương; 18% chi hoạt động; thực hiện tiêu chí bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách địa phương để thực hiện chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi; chính sách giáo dục đối với người khuyết tật; hỗ trợ học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

+ Đối với lĩnh vực chi sự nghiệp y tế: Thực hiện tiêu chí bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách địa phương để thực hiện khám chữa bệnh cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, học sinh, sinh viên,...; chế độ bảo hiểm y tế cho các đối tượng người cận nghèo, hộ gia đình làm nông nghiệp có mức sống trung bình,...

+ Đối với lĩnh vực chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể được phân bổ theo tiêu chí dân số phân theo vùng, đã tạo chủ động cho các đơn vị và thúc đẩy đơn vị sử dụng ngân sách hiệu quả thông qua việc sắp xếp lại biên chế để đảm bảo nhiệm vụ được giao. Đồng thời, có tiêu chí bổ sung phân bổ ngân sách thêm cho ngân sách địa phương tính theo số đơn vị hành chính cấp xã, tạo điều kiện cho các địa phương địa bàn rộng, có nhiều đơn vị hành chính xã thêm nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn. Ngoài ra, thực hiện tiêu chí đảm bảo cơ cấu 75% chi lương, các khoản có tính chất lương; 25% chi hoạt động để đảm bảo nguồn chi hoạt động của các cơ quan.

+ Đối với lĩnh vực chi sự nghiệp văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao, được hỗ trợ thêm kinh phí cho các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, đội thông tin lưu động; hỗ trợ kinh phí cho các vận động viên thành tích cao cấp quốc gia và vận động viên khuyết tật được tham gia các giải do tỉnh tổ chức.

+ Đối với lĩnh vực quốc phòng an ninh, các địa phương có biên giới đất liền, định mức phân bổ hỗ trợ thêm kinh phí để thực hiện nhiệm vụ an ninh quốc phòng trên địa bàn.

+ Đối với định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội, có định mức hỗ trợ thêm kinh phí để thực hiện các chính sách chế độ như: kinh phí trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, kinh phí thăm hỏi, động viên các đối tượng chính sách (gia đình thương, bệnh binh, liệt sĩ, người có công,...).

+ Đối với các địa phương có dân số thấp định mức phân bổ đã quy định hệ số ưu tiên so với định mức chung để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

3.2 Một số khó khăn, vướng mắc:

a) Đánh giá chung về khó khăn vướng mắc:

- Đối với các địa phương có dân số thấp, diện tích rộng, vị trí địa lý khó khăn, định mức phân bổ chi ngân sách của từng lĩnh vực mặc dù đã có hệ số cao và đã có hệ số đối với các địa phương có dân số thấp, nhưng các địa phương này vẫn còn có nhiều khó khăn về nguồn ngân sách để đảm bảo các nhiệm vụ chi theo phân cấp của Luật NSNN.

- Định mức cần chú trọng hơn yêu cầu thúc đẩy mạnh mẽ phát triển kinh tế - xã hội cho các địa phương trọng điểm về phát triển kinh tế - xã hội của vùng cũng như cả tỉnh. Thúc đẩy tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống Chính trị và nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 39-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương và Quyết định số 999-QĐ/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh.

b) Đánh giá cụ thể những khó khăn vướng mắc của từng lĩnh vực chi:

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục: Định mức phân bổ cần ưu tiên hơn đối với vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ chưa được bố trí trong chi cân đối NSĐP (Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu theo đối tượng thực tế).

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế: Cần xem xét định mức đầu dân đối với chi sự nghiệp y tế ở các vùng để thực hiện Nghị quyết 18/2008/QH12 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện chính sách pháp luật xã hội hóa; có tiêu chí bổ sung hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT cho đối với các đối tượng thuộc hộ cận nghèo, hộ làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình.

- Định mức phân bổ chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể: Mặc dù Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND đã quy định tiêu chí bổ sung đảm bảo chi hoạt động tối thiểu 25% tổng chi quản lý hành chính, tuy nhiên đối với địa phương có địa bàn rộng, dân số ít nhưng vẫn thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ về quản lý nhà nước đối với tất cả các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, nên thực hiện định mức phân bổ theo quy định hiện hành còn khó khăn.

Mặt khác, định mức năm 2017 được xây dựng theo mức tiền lương cơ sở 1,21 triệu đồng/tháng. Tuy nhiên, thực hiện Nghị quyết 25/2016/QH14 của Quốc hội về việc điều chỉnh tiền lương cơ sở và nguyên tắc yêu cầu các địa phương tự tiết kiệm nguồn làm lương theo các Nghị quyết về dự toán NSNN của Hội đồng nhân dân tỉnh. Các huyện, thị xã, thành phố đã phải cắt giảm một số nhiệm vụ chi thường xuyên, trong đó một phần cắt giảm từ định mức, để tạo nguồn CCTL đã dẫn tới khó khăn trong việc đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của địa phương[6].

Thực hiện Nghị quyết 18 của BCH Trung ương khóa XII, Quyết định số 999-QĐ/TU ngày 10/4/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, năm 2018-2021 đã thực hiện cắt giảm ngay từ khâu dự toán phần định mức chi thường xuyên tương ứng với số biên chế phải giảm của các huyện, thị xã, thành phố. Lũy kế đến hết năm 2020 đã cắt giảm khoảng 119,648 tỷ đồng và dự toán năm 2021 tiếp tục cắt giảm thêm 29,912 tỷ đồng chi thường xuyên theo định mức của các huyện, thị xã, thành phố.

Tuy nhiên, thực tế việc tinh giản biên chế kéo dài trong cả năm nên cắt giảm toàn bộ kinh phí ngay từ đầu năm cũng có những bất cập; một số huyện, thị xã, thành phố có số lượng biên chế phải cắt giảm lớn là rất khó khăn; đồng thời, nhu cầu tăng cường ứng dụng CNTT, cải cách hành chính, hiện đại hóa trang thiết bị làm việc...để phù hợp với yêu cầu công việc trong tình hình mới ngày càng lớn nhưng nguồn kinh phí lại bị cắt giảm một cách cơ học ngay từ dự toán gắn với giảm biên chế dẫn đến khó khăn trong công tác phân bổ, thực hiện.

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin, thể dục thể thao: Để phù hợp với thực tế, cần tăng định mức đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách đối với vùng cao, vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu.

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh truyền hình: Để phù hợp với thực tế, cần nâng mức hỗ trợ đối với vùng cao, vùng miền núi để có thêm kinh phí phủ sóng phát thanh, truyền hình vùng khó khăn.

- Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh: Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND đã ưu tiên phân bổ thêm kinh phí đối với các xã biên giới, đối với các địa phương có xã tiếp giáp với 02 tỉnh nước bạn trở lên được phân bổ hệ số 1,4 lần/xã biên giới để có thêm kinh phí thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Tuy nhiên, để đáp ứng nhiệm vụ quốc phòng an ninh trong tình hình mới, một số địa phương có ý kiến mức hỗ trợ nêu trên chưa phù hợp với thực tế.

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế: Định mức phân bổ được tính theo tỷ lệ 10% chi thường xuyên 11 lĩnh vực chi đã tính được theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách nêu trên, đồng thời các địa phương được bổ sung thêm một phần kinh phí đối với đô thị loại III, IV đã được phân bổ thêm định mức để thực hiện các nhiệm vụ quan trọng về giao thông đô thị. Tuy nhiên, một

---

[6]Đã yêu cầu các huyện, thị xã, thành phố tiết kiệm tăng thêm 10% chi thường xuyên (không bao gồm lương và các khoản theo lương). Tổng kinh phí các huyện, thị xã, thành phố tự sắp xếp để điều chỉnh lương cơ sở khoảng ...tỷ đồng.

số địa phương có kiến nghị tăng mức chi cho lĩnh vực này cho phù hợp với thực tế.

- Định mức phân bổ chi thường xuyên khác của ngân sách địa phương: Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND đã ưu tiên bổ sung kinh phí cho các xã biên giới đất liền. Tuy nhiên, trong thời gian qua, tình hình chính trị ở một số địa phương nước bạn diễn biến phức tạp, nên các địa phương có ý kiến mức hỗ trợ nêu trên chưa phù hợp với thực tế.

- Ngoài những khó khăn, vướng mắc đối với từng lĩnh vực chi nêu trên; một số địa phương khó khăn hoặc có dân số thấp có ý kiến để đảm bảo mặt bằng chung với các địa phương khác, cần ưu tiên tỷ lệ tăng hơn cho các địa phương này nhằm có nguồn lực để duy trì và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của Vùng cũng như của cả tỉnh.

- Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách: Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND quy định đối với các địa phương nhận bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh, hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh hỗ trợ các địa phương này một phần kinh phí theo khả năng của ngân sách tỉnh.Tuy nhiên trong thời kỳ ổn định 2017-2021, do ngân sách tỉnh khó khăn nên chưa hỗ trợ tăng số bổ sung cân đối cho các địa phương trong dự toán ngân sách.

II. Phương hướng, giải pháp thực hiện trong thời gian tới:

1. Phương hướng xây dựng định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN năm 2022:

- Xây dựng định mức chi thường xuyên NSNN năm 2022 phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương năm 2022 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm (2021-2025) của tỉnh.

- Thúc đẩy cơ cấu lại thu - chi NSNN và nợ công theo đúng Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 19/6/2017 của Chính phủ và Kế hoạch số 56-KH/TU ngày 14/4/2017 của Tỉnh ủy; tiết kiệm triệt để chi thường xuyên, thực hiện sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, thực hiện đề án CCTL theo Nghị quyết số 27-NQ/TW và lộ trình tăng lương của Chính phủ.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn đảm bảo chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện và kiểm tra; đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch.

- Việc xây dựng hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN phải đảm bảo góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phát

triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh; ưu tiên bố trí kinh phí cho những lĩnh vực quan trọng (giáo dục, đào tạo, dạy nghề; khoa học - công nghệ;...) và dân tộc thiểu số khó khăn, đặc biệt khó khăn.

- Khắc phục hạn chế của định mức phân bổ theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND.

2. Giải pháp thực hiện

Tiếp tục kế thừa Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND, đồng thời thực hiện một số nội dung chủ yếu sau:

a) Đảm bảo nguồn thực hiện tiền lương 1,49 triệu đồng/tháng và đảm bảo các chế độ chính sách Trung ương, địa phương đã ban hành đến 31/12/2021.

b) Nâng định mức phân bổ theo tiêu chí dân số so với Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND, đồng thời tiếp tục ưu tiên vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo cao hơn Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND đối với lĩnh vực giáo dục, y tế, an ninh, quốc phòng, đảm bảo xã hội.

c) Sửa đổi, bổ sung các tiêu chí phụ hoặc bỏ các tiêu chí phụ của từng lĩnh vực cho phù hợp với tình hình thực tế. Trong đó: Đối với lĩnh vực chi giáo dục, tiêu chí bổ sung quy định tỷ lệ chi khác (không bao gồm tiền lương và các khoản chi con người) đảm bảo tối thiểu 19% tổng chi giáo dục (Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND, tỷ lệ này là 18%).

d) Sửa đổi phân vùng dân số nhằm thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội. Nghiên cứu xây dựng định mức phân bổ theo nhiệm vụ, kết hợp với phân bổ theo tiêu chí dân số đối với một số lĩnh vực chi (đảm bảo xã hội, khoa học và công nghệ,...).

đ) Ngân sách tỉnh hỗ trợ theo quy định đối với các chế độ, chính sách chưa bố trí cân đối dự toán chi cân đối NSĐP năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách./.